

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Phạm Thị Kim Anh

Viện nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Trong ĐTGV, dù đào tạo theo mô hình nào và theo phương thức nào thì các môn NVSP đều rất quan trọng. NVSP làm nên tay nghề của GV. Không có NVSP, GV không thể hành nghề một cách thành thạo và có hiệu quả. Do đó, việc dạy và học các môn NVSP được coi là nét đặc thù và cốt lõi trong ĐTGV. Trên cơ sở tìm hiểu thực tiễn, phân tích những bất cập, hạn chế trong dạy và học NVSP từ CTĐT đến năng lực đội ngũ giảng viên và các thành tố khác như: nội dung, phương pháp giảng dạy; vấn đề tổ chức thực hành, thực tập nghề ở phổ thông; công tác kiểm tra, đánh giá; điều kiện cơ sở vật chất... trong các trường ĐHSP, bài viết của chúng tôi tập trung vào việc đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học các môn NVSP trong đào tạo GV.

Từ khóa: Chất lượng, dạy và học, nghiệp vụ sư phạm, đào tạo giáo viên.

1. Mở đầu

Chất lượng đào tạo giáo viên (ĐTGV) được đo bằng kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm (NVSP). Hai yếu tố đó được coi là nền tảng cơ bản nhất tạo nên năng lực nghề của mỗi giáo viên (GV). Nếu một người thầy chỉ vững về chuyên môn, nhưng không có NVSP thì không thể là người thầy giỏi. Đại học sư phạm (ĐHSP) là trường đào tạo nghề đặc biệt- nghề dạy học (DH). Năng lực sư phạm của mỗi sinh viên (SV) có được là do nhiều yếu tố, song quan trọng nhất vẫn là do kết quả của việc DH và rèn luyện NVSP tạo lên. Bởi vậy, phải coi việc dạy và học NVSP là nét đặc thù, là vấn đề cốt lõi trong ĐTGV để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề cho SV.

Trong những năm gần đây, cùng với việc đổi mới CTĐT, việc dạy và học các môn NVSP đã chuyển từ tập trung truyền thụ nội dung kiến thức sang định hướng phát triển năng lực sư phạm cho SV, góp phần đào tạo đội ngũ GV các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, không ít SV sư phạm ra trường “*giàu kiến thức, nhưng nghèo kỹ năng*”, những kỹ năng về DH và GD còn yếu và thiếu, SV chưa đủ tự tin trong quá trình DH ở trên lớp và giải quyết những vấn đề nảy sinh của thực tiễn GD ở phổ thông. Sự hài lòng của giảng viên, SV, GV phổ thông cũng như các cơ sở tuyển dụng GV về năng lực sư phạm của SV còn ở mức độ chưa cao. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ nhiều phía, song nguyên nhân cơ bản vẫn là do quan điểm đào tạo, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức đào tạo, năng lực đội ngũ giảng viên và các điều kiện đảm bảo chất lượng chưa phù hợp. Việc dạy và học NVSP vẫn còn khoảng cách khá xa giữa “Học”, “Hành” và “Tập”, nhiều nội dung vẫn nặng về lý thuyết, chưa chú trọng đến việc rèn nghề và ít gắn với thực tiễn của phổ thông.

Ngày nhận bài: 12/6/2021. Ngày sửa bài: 29/6/2021. Ngày nhận đăng: 02/7/2021.

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Kim Anh. Địa chỉ e-mail: phamkimanh279@yahoo.com.vn

Sự bùng nổ của tri thức trong xã hội hiện đại cùng với Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra đã làm thay đổi toàn bộ đời sống xã hội và tác động mạnh mẽ tới GD. Người GV trong thế kỉ XXI không chỉ là một chuyên gia về DH với những phương pháp, kĩ năng DH mới mà phải là một chuyên gia về GD. Đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới GD phổ thông, những yêu cầu về năng lực sư phạm của người GV đang đặt ra nhiều yêu cầu mới. Làm thế nào để trang bị cho SV sư phạm có đủ kiến thức, kĩ năng về NVSP để đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn GD phổ thông hiện nay đang là một thách thức lớn trong đào tạo GV. Để giải quyết được vấn đề này, trước hết phải đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học các môn NVSP từ nội dung đến hình thức, phương pháp và cách thức kiểm tra đánh giá... bằng những phương thức mới.

Cho đến nay đã có nhiều bài viết, đề tài nghiên cứu đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học các môn NVSP trong trường ĐHSP, tiêu biểu như: Đinh Quang Báo [1]; Nguyễn Thanh Bình [2]; Nguyễn Thị Kim Dung [3;4]; Phạm Xuân Hậu [5]; Nguyễn Văn Hạnh [6]; Lê Hồng Hạnh [7] Nguyễn Khải Hoàn [8]; Phạm Minh Hùng [9], Kiều Thế Hưng [10]; Nguyễn Văn Khôi [11]; Biền Văn Minh [13]; Phan Trọng Ngọc [14]; Nguyễn Thu Tuấn [15]... các tác giả chỉ ra rằng, cần phải có một cuộc cách mạng thực sự trong đào tạo NVSP, nhất là rèn luyện kĩ năng sư phạm cho SV.

Từ việc tìm hiểu và quan sát thực tiễn dạy và học các môn NVSP trong các trường ĐHSP, bài viết của chúng tôi tập trung vào việc đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học các môn NVSP trong đào tạo GV ở các trường ĐHSP.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đổi mới chương trình, nội dung dạy học NVSP theo định hướng phát triển năng lực nghề và gắn với các công việc, nhiệm vụ của người GV trong bối cảnh xã hội hiện đại

Nhìn vào CTĐT GV hiện nay ở một số trường ĐHSP, chúng ta thấy thời lượng dành cho khối kiến thức NVSP đã tăng lên đáng kể. Riêng chương trình ĐTGV của Trường ĐHSP Hà Nội chiếm tới 25% (34 tín chỉ) trong tổng thời lượng chương trình, và theo CTĐT mới ban hành tháng 7 năm 2019, khối kiến thức NVSP đã tăng lên 35 tín chỉ. Điều đó đã thể hiện sự coi trọng về vị trí, vai trò và ý nghĩa của các môn NVSP trong ĐTGV. Tuy nhiên, tỉ lệ này vẫn chưa hợp lí. Theo GS Đinh Quang Báo (2013), để hướng tới việc đào tạo “nhà giáo dục” chứ không phải “thợ dạy”, cấu trúc nội dung ĐTGV trong các trường sư phạm chỉ ít phải đảm bảo 60% thời lượng cho việc đào tạo NVSP, 10-15% cung cấp kiến thức đại cương, 20% cung cấp kiến thức chuyên môn. Thế nhưng, tỉ lệ dành cho các môn NVSP trong CTĐT GV hiện nay mới chiếm khoảng trên 25%. Điều này rất khó để hình thành và phát triển năng lực nghề cho SV một cách vững chắc.

Đối với Bộ môn Lí Luận và phương pháp dạy học tại các khoa đang có xu hướng cắt giảm số tín chỉ dành cho môn học này (VD, theo CTĐT mới của Trường ĐHSP Hà Nội, từ 8 tín chỉ giảm xuống 4 tín chỉ). Chúng ta biết rằng, với một GV thì phương pháp và kĩ năng DH môn học là điều vô cùng cần thiết. Sự thành công của họ trong giảng dạy môn học được quyết định bởi việc họ có được trang bị vững vàng về kiến thức, kĩ năng và phương pháp giảng dạy môn học đó hay không. Bởi vậy cần chú trọng trang bị cho SV những phương pháp, kĩ năng DH đặc thù theo từng môn học, không nên đồng nhất với những phương pháp, kĩ năng DH nói chung mà môn lí luận DH đã đảm nhiệm.

Các kiến thức trong môn Tâm lí học, Giáo dục học được coi là kiến thức nền tảng, trang bị cho SV hệ thống các lí thuyết về Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận DH,... nhưng SV lại ít được học cách làm thế nào để lấy được sự tin tưởng, hứng thú và chú ý của HS, cũng không được học cách làm sao để động viên an ủi một đứa trẻ khi bố mẹ chúng li hôn hay khi chúng mới chia tay

người yêu...SV cũng ít khi được học cách phải làm gì khi HS gục xuống bàn mỗi ngày lên lớp...Thậm chí, SV không được học cách làm thế nào để bỏ qua những điều vô nghĩa trong bài giảng để nói về ý nghĩa thực sự của cuộc sống này; không được học cách thích nghi, thay đổi bản thân với hoàn cảnh mới, không được học cách làm sao để thể hiện được sự tức giận cũng như tình yêu thương đối với những HS mà mình không yêu thích chúng... Các môn NVSP luôn dạy cho SV phải yêu nghề và đam mê với nghề nhưng lại không dạy cho SV biết cần làm gì để duy trì được niềm đam mê đó. Theo kết quả nghiên cứu của Đào Thị Oanh [19, tr.85], có gần 47% SV cho rằng, nội dung kiến thức mà họ được học không đủ để hành nghề. Có những nội dung không được học hoặc học chưa sâu, lại có những nội dung chưa được rèn luyện về mặt kỹ năng. Khi phỏng vấn, một số SV cho rằng, có nhiều điều không được học trong trường sư phạm, chỉ đến khi TTSP mới biết mình còn thiếu khá nhiều.

Nội dung Rèn luyện NVSP thường xuyên mới dừng lại ở việc hình thành các kỹ năng sơ đẳng như: kỹ năng khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin GD; kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học trong DH; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói và thuyết trình; kỹ năng viết, vẽ bảng; kỹ năng sử dụng các phương tiện DH... Một số kỹ năng quan trọng như kỹ năng phân tích, lựa chọn kiến thức trọng tâm, cơ bản trong CT- SGK, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng dẫn dắt, nêu vấn đề, tạo tình huống trong DH; kỹ năng xử lý các tình huống trong DH, GD; kỹ năng cảm hóa HS cá biệt; kỹ năng truyền cảm hứng trong giờ học; kỹ năng tự bảo vệ mình trước tình trạng bạo lực học đường; kỹ năng tổ chức một tiết sinh hoạt lớp hay một buổi họp phụ huynh... thì chưa được chú trọng.

Nhìn chung, nội dung các môn học trong khối kiến thức NVSP vẫn thiên về trang bị “màu xám” của lý luận mà ít chất “xanh tươi” của cây đời. Vì thế SV vẫn còn khá mơ hồ với thực tế sống động của trường phổ thông, nhất là những công việc, nhiệm vụ cụ thể mà người GV phải đảm nhận trong nhà trường. Do không thấu hiểu và không được trang bị những kỹ năng gắn với các công việc, nhiệm vụ phức tạp, nặng nề của GV trong bối cảnh xã hội hiện đại nên nhiều SV sau khi ra trường họ cảm thấy bị áp lực, quá tải về công việc dẫn đến tình trạng bỏ nghề hoặc rất lúng túng, khó khăn trong giải quyết các công việc tại các lớp học ở nhà trường.

Chúng tôi cho rằng, ngoài việc trang bị cho SV những phẩm chất, năng lực nghề theo chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo NVSP cần phải chú ý trang bị cho SV những cách thức, kỹ năng cần thiết trong DH, GD như đã phân tích ở trên. Đồng thời, cần trang bị cho SV những kỹ năng để làm tốt các công việc khác như: làm công tác tuyển sinh; biên soạn tài liệu DH phân địa phương; làm đồ dùng trực quan; hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học; làm hồ sơ, sổ sách, viết báo cáo; cách tính điểm và xếp loại HS; tổ chức các buổi họp phụ huynh; tham gia các hoạt động trong và ngoài nhà trường; tổ chức các hoạt động Đoàn, Đội, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc thi; thậm chí làm cả công việc quản lý HS bán trú, thu học phí và các khoản đóng góp khác của HS... Đó là chưa kể những công việc không tên khác liên quan đến hoạt động của nhà trường.

Để đảm bảo chuẩn chất lượng chung trong đào tạo NVSP, các trường sư phạm trong cả nước nên hướng tới xây dựng và sử dụng cùng một chương trình thống nhất.

2.2. Nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên dạy các môn NVSP

Năng lực của giảng viên là yếu tố mang tính quyết định đến chất lượng DH các môn NVSP. Về cơ bản, năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm của đội ngũ giảng viên dạy các môn NVSP hiện nay tương đối tốt. Nhiều giảng viên đã đi đầu trong việc đổi mới về PPDH và trở thành giảng viên cốt cán trong bồi dưỡng GV phổ thông. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn không ít giảng viên dạy các môn NVSP còn hạn chế về cả về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm. Điều này đã dẫn đến các bài giảng chưa sâu, còn nặng về giới thiệu nội dung lý thuyết trong giáo trình, chưa chuyển hoá lý thuyết nghề thành mẫu hoặc ví dụ cụ thể để SV thấy được một cách trực diện và học được qua mẫu. Có một số giảng viên trẻ ít trải nghiệm thực tiễn phổ

thông hoặc chưa từng tham gia giảng dạy ở phổ thông nên không đưa ra được các tình huống cụ thể gắn với thực tiễn để minh họa hoặc giúp SV giải quyết các tình huống DH, GD. Nhiều giảng viên có thể nói về cách thức, phương pháp, kỹ thuật dạy một bài như thế nào rất hay, nhưng yêu cầu giảng mẫu về bài đó thì lại không thực hiện được. Ngay cả khả năng truyền đạt kiến thức, diễn giải các quan điểm và các lý thuyết trừu tượng cũng chưa thực sự tường minh và hấp dẫn đối với người học, nhất là kỹ năng thực hành, vận dụng vào thực tiễn không phải giảng viên nào cũng thực hiện tốt. Bản thân một số giảng viên cũng chưa trở thành “hình mẫu” từ phong cách đến phương pháp, kỹ năng giảng dạy để SV có thể noi theo. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng DH các môn NVSP.

Để nâng cao chất lượng dạy và học các môn NVSP, cần xây dựng một đội ngũ giảng viên chuyên sâu về giảng dạy các môn NVSP, trong đó nòng cốt là giảng viên các tổ bộ môn Lí luận và Phương pháp giảng dạy ở các khoa và giảng viên khoa Tâm lí Giáo dục. Đội ngũ giảng viên này không chỉ giỏi về chuyên môn, NVSP mà còn phải rất am hiểu thực tiễn phổ thông, thậm chí là cộng tác viên hoặc tham gia giảng dạy ở phổ thông. Có như vậy mới đáp ứng được vai trò là “*Thầy của những người thầy*”. Mặc dù thời gian qua, các trường ĐHSPT đã có nhiều biện pháp tích cực trong công tác bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho giảng viên, song cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động như: tổ chức các hội thảo, hội nghị tập huấn để bồi dưỡng giảng viên; nêu cao tầm gương tự học, tự nghiên cứu; tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh về chất lượng giảng dạy trong đội ngũ giảng viên; lắng ý kiến phản hồi của người học để đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên; ban hành chuẩn năng lực giảng viên sư phạm với các tiêu chí cụ thể về năng lực DH; tận dụng tối đa lực lượng cán bộ đầu đàn trong bồi dưỡng tại chỗ cho giảng viên trẻ; cải tiến chính sách về lương, khen thưởng để giảng viên giỏi có thêm động lực giảng dạy tốt; chuyên đổi vị trí công tác cho phù hợp đối với những giảng viên còn hạn chế về năng lực. Đặc biệt, trong bối cảnh mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới cần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học về phương pháp giảng dạy để tiếp cận những cái mới, cái tiên bộ trong giảng dạy. Muốn vậy, cần cân đối thời gian giữa giảng dạy và nghiên cứu để giảng viên có thời gian cho công tác nghiên cứu về khoa học GD.

2.3. Đổi mới phương pháp dạy và học các môn NVSP theo định hướng hình thành, phát triển năng lực và gắn với các tình huống thực tiễn phổ thông

CTĐT GV ở các trường ĐHSPT hiện nay đã được đổi mới theo định hướng hình thành và phát triển năng lực sư phạm cho SV. Điều này tất yếu dẫn đến việc dạy và học cũng phải thay đổi theo định hướng trên. Giảng viên giờ đây không còn là trung tâm của quá trình DH, là người truyền thụ, rót kiến thức vào đầu SV mà là người định hướng, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học tập và hỗ trợ SV khi cần thiết, chú trọng sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng thực hành, vận dụng. Với cách DH này buộc SV phải tự lực và tích cực tìm kiếm, phát hiện, nêu vấn đề, trao đổi, phản bác, chứng minh, phân tích... rút ra nhận xét, kết luận của mình. Quá trình DH không nặng về tập trung trang bị kiến thức cho người học (SV học được những gì) mà chuyển sang dạy cho SV làm được những gì từ điều đã học, dựa trên nguyên lí: Học đi đôi với hành, lí luận gắn với thực tiễn xoay quanh trực năng lực nghề nghiệp đã xác định trong mục tiêu đào tạo. Để thực hiện được điều này, trong quá trình tổ chức DH, giảng viên cần làm tốt các hoạt động sau:

2.3.1. Dạy học qua tổ chức các hoạt động

Benjamin Franklin (1706-1790) - nhà khoa học, nhà ngoại giao người Mỹ và là một trong những người thành lập đất nước của Hoa Kỳ đã nêu một triết lí nổi tiếng: “Nếu nói với tôi, tôi sẽ quên. Nếu dạy tôi, tôi sẽ nhớ. Nhưng cho tôi tham gia, tôi sẽ học”. Điều đó có nghĩa là, chỉ khi cho SV tham gia vào các hoạt động học tập thì việc học mới thực sự trở thành tự thân và đạt hiệu quả tốt nhất. Bởi vậy, DH qua tổ chức các hoạt động là một trong những dấu hiệu đặc trưng nhất của DH phát triển năng lực. Với cách dạy này, nó làm thay đổi hoàn toàn cách dạy truyền

thống. Trong các giờ học, SV không còn phải ngồi yên lặng, trật tự để lắng nghe, ghi chép một cách thụ động bài giảng của giảng viên nữa mà được hoạt động dưới sự tổ chức, hướng dẫn và điều khiển của giảng viên trong suốt quá trình tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành thái độ nghề nghiệp trong học tập. Giảng viên và SV cùng hoạt động, cùng làm việc theo tốc độ thời gian. Các hoạt động DH rất đa dạng tùy theo từng nội dung của bài học (đọc tài liệu, nghe giảng, quan sát, khai thác hình ảnh, trải nghiệm, thảo luận nhóm, trình bày, mô tả, phân tích, so sánh, hỏi-đáp, giải quyết tình huống, luyện tập, thực hành,...). Các hoạt động này được tổ chức một cách đan xen, linh hoạt trong suốt tiến trình của bài học.

2.3.2. Dạy học qua tương tác và hợp tác

Trong DH phát triển năng lực, giảng viên sẽ không còn là người diễn thuyết, độc thoại trước bảng đen. Cách dạy thầy giảng-trò nghe, truyền thụ kiến thức một chiều sẽ phải thay bằng sự tương tác hai chiều, trong đó có hỏi đáp, tranh luận, phản biện giữa GV và SV, giữa SV với SV, tạo nên mối quan hệ giao lưu, hòa đồng, hợp tác và thân thiện. Giảng viên lắng nghe, giải thích, gợi mở, khuyến khích, chỉ dẫn SV trả lời các câu hỏi hoặc thúc đẩy SV suy nghĩ, khai thác và mở rộng thêm ý tưởng. Đôi khi giảng viên phải đưa ra các thông tin phản hồi kịp thời, chính xác và đúng thời điểm để SV tiếp thu kiến thức mới một cách chính xác. Trong quá trình tương tác, GV luôn tỏ ra là người thầy dễ chịu, gần gũi, thân thiện như một người bạn, người cùng đồng hành để giúp SV khám phá kiến thức.

Để việc tương tác có hiệu quả, giảng viên cần hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn của từng SV nhằm đưa ra những câu hỏi, nhiệm vụ phù hợp, tạo điều kiện cho SV nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn và thảo luận nhiều hơn. Mọi ý kiến của SV đều được tôn trọng.

2.3.3. Dạy học tích hợp NVSP trong các môn khoa học cơ bản.

Trong các nghiên cứu của Đinh Quang báo [1], Nguyễn Thị Kim Dung [4], Phan Trọng Luận [18], Phạm Minh Hùng [9], Nguyễn Thu Tuấn [15],... đều cho rằng, nếu đi theo định hướng hình thành, phát triển năng lực nghề cho SV thì việc dạy và học NVSP tất yếu phải bằng con đường tích hợp. Tích hợp nhuần nhuyễn giữa các môn khoa học cơ bản với các môn NVSP; tích hợp giữa các môn học NVSP với nhau, tích hợp giữa dạy lí thuyết với thực hành. Dù tích hợp theo phương thức nào thì cũng phải được tổ chức thông qua hoạt động của chính người học. Tích hợp đầy đủ và toàn diện nhất là tích hợp bằng tổ chức các hoạt động DH thông qua thực hành, thực tập nghề nghiệp cho SV. Môi trường tích hợp hiệu quả nhất là ở trường phổ thông (môi trường thực)- nơi diễn ra hoạt động DH và GD HS.

Theo Phan Trọng Luận: “Muốn hội nhập khu vực và thế giới về khoa học và đào tạo NVSP phải xóa bỏ nếp tư duy tách biệt, chuyển sang tư duy liên kết, tư duy xuyên môn trong việc xây dựng chương trình cũng như phương thức và phương pháp đào tạo” [18, tr.18-21]. Đinh Quang Báo nhấn mạnh rằng: “Đào tạo NVSP tất yếu phải dựa trên nền tảng khoa học cơ bản (các môn chuyên ngành), nội dung NVSP phải được lồng ghép tích hợp trong các môn khoa học cơ bản [1; tr19]. Sự tích hợp như thế sẽ có tác dụng kép vừa bao gồm cả kĩ năng nghiệp vụ lẫn kiến thức khoa học cơ bản sâu sắc.

Phạm Minh Hùng cũng chỉ rõ: “cần tích hợp đào tạo chuyên môn (khoa học cơ bản) với đào tạo NVSP (khoa học giáo dục), làm cho 2 mảng này trở thành một thể thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau trong việc hình thành năng lực nghề cho SV. Đào tạo chuyên môn phải đảm bảo tính nghiệp vụ, còn đào tạo nghiệp vụ phải đồng thời và trên nền tảng của đào tạo chuyên môn. Vì vậy cần huy động đội ngũ giảng viên dạy các môn khoa học cơ bản tham gia tích cực vào dạy NVSP cho SV [9, tr97].

Khi nói về bản chất của phương thức này, Nguyễn Thị Kim Dung cho rằng: “Bản chất của phương thức này là đào tạo NVSP không chỉ được thiết kế theo logic nội dung mà thiết kế theo trục logic năng lực nghề nghiệp. Năng lực nghề nghiệp của GV không đơn thuần là tổng các đơn vị nội dung kiến thức mà phải là “dung dịch hòa tan” từ 3 khối tri thức: tri thức chuyên

ngành, tri thức NVSP, tri thức văn hóa-xã hội, đạo đức, trách nhiệm, giá trị nghề nghiệp. Môi trường diễn ra quá trình hòa tan là nhà trường phổ thông, và cơ chế hòa tan là dạy SV thông qua các hoạt động DH, GD HS” [4, tr143].

Với quan điểm DH tích hợp đó, sẽ xóa bỏ được tư duy tách biệt và quan niệm truyền thống cho rằng: chỉ những môn như Tâm lý học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn...mới thuộc lĩnh vực NVSP và những giảng viên dạy các môn học đó phải chịu trách nhiệm về đào tạo NVSP, còn giảng viên dạy các môn khoa học cơ bản chỉ biết dạy chuyên môn của mình và không cần biết đến mục tiêu hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực sư phạm cho SV. Cần phải nhận thức rằng, khi dạy các môn khoa học cơ bản đã hàm chứa trong đó rất nhiều kiến thức, kĩ năng về NVSP, và ngay bản thân những giảng viên dạy các môn khoa học cơ bản đã là hình mẫu mang tính chuẩn mực về chuyên môn, về đạo đức, tác phong, văn hóa ứng xử, giao tiếp. Thực tế đã chứng minh rằng, SV đã học được nhiều kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo về NVSP từ chính bản thân những giảng viên dạy các môn khoa học cơ bản. Nếu người thầy có phương pháp giảng dạy tốt, tác phong chuẩn mực, lối diễn đạt dễ hiểu, khả năng trình bày vấn đề sâu sắc, thuyết phục, kĩ năng trình bày bảng và sử dụng các phương tiện DH thuận thực, cách xử lí tình huống sư phạm khéo léo...thì đó chính là một cách dạy NVSP gián tiếp cho SV. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy và học NVSP, cần quán triệt quan điểm tích hợp dạy NVSP trong các môn khoa học cơ bản và ngược lại, dạy các môn NVSP tích hợp được những kiến thức từ các môn khoa học cơ bản. Điều này vừa tránh được sự lãng phí lớn về thời gian, nội dung đào tạo vừa tích hợp chặt chẽ giữa khoa học cơ bản với khoa học sư phạm trong DTGV.

2.3.4. Dạy học gắn với hướng dẫn tự học

Tự học chính là con đường phát triển nội sinh để phát triển năng lực bản thân. Ngày nay, các trường đại học đòi hỏi SV phải biết cách học để học suốt đời. Chính vì lẽ đó, trong DH phát triển năng lực, việc hướng dẫn SV tự học, tự khám phá để chiếm lĩnh kiến thức là một yêu cầu đặc biệt quan trọng. Đây chính là cơ sở để phát triển năng lực tự học suốt đời cho SV.

Để làm được điều này, giảng viên cần hạn chế diễn giảng, không cung cấp mọi kiến thức có sẵn cho SV, chỉ nên định hướng nội dung, giao nhiệm vụ học tập, đặt câu hỏi để SV động não, suy nghĩ, khám phá, tìm kiếm câu trả lời và tự giải quyết vấn đề. Việc làm này chính là chìa khóa cho một lớp học theo mô hình phát triển năng lực và cũng chính là thể hiện năng lực của người thầy. Đúng như Disterweg đã từng nói: Người thầy giáo kém truyền đạt chân lí; người thầy giáo giỏi dạy cách tìm ra chân lí.

2.3.5. Dạy học gắn với các tình huống thực tiễn ở phổ thông

Mục tiêu của DH phát triển năng lực nghề là sau khi học xong các môn NVSP, SV có được những kiến thức, kĩ năng, thái độ như thế nào?, họ có thể làm được gì và vận dụng như thế nào vào công việc DH-GD trong tương lai. Chính vì lẽ đó, việc đưa bài học vào thực tiễn nhà trường phổ thông và mang thực tiễn trường phổ thông vào bài học là một yêu cầu đặc biệt quan trọng của DH hình thành, phát triển năng lực nghề. Giáo trình và các bài giảng phải giúp SV vận dụng được những kiến thức, kĩ năng vào giải quyết những vấn đề hay tình huống cụ thể của thực tiễn ở nhà trường phổ thông và trong quá trình DH NVSP, giảng viên cũng phải đưa kiến thức từ thực tiễn của nhà trường phổ thông vào trong các bài giảng để SV thấy giá trị thực của học tập. Nhờ đó, kiến thức trở nên gần gũi, thiết thực, hữu ích với SV. Một số ý kiến của giảng viên cho rằng, sẽ rất lý tưởng nếu có những cuốn sách về các tình huống sư phạm hoặc bài giảng mẫu do chính những GV phổ thông thực hiện để chia sẻ cho SV học tập kinh nghiệm.

Để việc DH NVSP luôn gắn với thực tiễn, kinh nghiệm ở nhiều nước, nhất là ở Israel cho thấy: SV sư phạm chỉ học mỗi tuần 3 ngày tại trường đại học, cao đẳng sư phạm, 2 ngày còn lại đi quan sát thực tế việc giảng dạy, học tập tại trường phổ thông suốt từ tuần thứ 2 của năm thứ nhất đến hết ba năm học đầu tiên. Mỗi năm học, hai tuần không có giờ học ở trường thì SV dành

toàn thời gian đi thực tế ở phổ thông. Ở Việt Nam, điều này rất khó khả thi. Bởi vậy, giảng viên nên giao cho SV những bài tập vận dụng thực hành, hoặc đặt ra các tình huống sư phạm trong DH, GD, quản lí HS, giáo dục HS cá biệt... để SV tập xử lí và giải quyết tình huống... Ngoài ra, giảng viên có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho SV ở trường phổ thông (dưới dạng tham quan, dự giờ, tham gia vào các hoạt động GD của nhà trường), cũng có thể cho SV liên hệ, vận dụng kiến thức với thực tế đang diễn ra tại nhà trường ở các địa phương. Có thể nói, việc DH NVSP gắn với thực tiễn đem lại những giá trị hữu ích đối với việc học tập của SV, làm cho kiến thức NVSP mang hơi thở của cuộc sống.

2.4. Xây dựng hệ thống các trường phổ thông liên kết phát triển nghề để dạy và học nghiệp vụ sư phạm trong môi trường thực và tăng cường sự trải nghiệm thực tiễn cho sinh viên

Học trong thực tiễn, học từ thực tiễn và học về thực tiễn thông qua trải nghiệm ở trường phổ thông để hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV là xu hướng được nhiều nước áp dụng trong ĐTGV. Với xu hướng này, SV sẽ được học NVSP trực tiếp từ thực tiễn trường phổ thông, vì trường phổ thông là nguồn “tri thức sống” để học về việc dạy. Thông qua các hoạt động quan sát, tìm hiểu thực tiễn, tập làm các công việc giảng dạy và GD của người GV, SV không chỉ được củng cố các lí thuyết, rèn luyện kĩ năng đã học trên giảng đường mà còn được “tắm mình” trong môi trường GD của nhà trường, học được nhiều điều mới từ chính thực tế của nhà trường phổ thông, qua đó bồi dưỡng tình cảm và giá trị nghề nghiệp cho tương lai. Mặt khác, nhiều kĩ năng không thể dạy và học ở giảng đường của trường sư phạm được mà phải thực hiện ở trong trường phổ thông (VD tìm hiểu đối tượng HS; cách giao tiếp, ứng xử với HS, GV, phụ huynh, cách xử lí tình huống sư phạm...). Vì thế, việc dạy và học NVSP ở trường phổ thông là thực sự cần thiết và được coi là “giảng đường thứ 2” của SV. Điều này còn giảm bớt tính “hàn lâm”, tăng cường gắn với thực tiễn.

Để làm được điều này, các nước có nền GD tiến tiến như Mỹ, Anh, Úc, Phần Lan, Hà Lan, Ấn Độ, Singapore, Hồng Kông... đã xây dựng các trường phổ thông thực hành thành các trường phổ thông liên kết phát triển nghề (Professional Development School, được viết tắt là PDS). Trường phổ thông liên kết phát triển nghề được bắt đầu xây dựng vào những năm 1990, bị ảnh hưởng rất nhiều từ mô hình đào tạo bác sĩ nội trú tại bệnh viện của ngành Y. Người ta ví PDS như một “bệnh viện” để dạy nghề dạy học. Đó là cách dạy và cách học ngay trên thực địa, tại lớp học thực, giống như bác sĩ nội trú học tại giường bệnh, trên lâm sàng. Mô hình liên kết, cộng tác giữa trường sư phạm và trường phổ thông PDS đã làm thay đổi bản chất của việc dạy về nghề DH cho giáo sinh (Darling Hammond 2006). Vì thế, PDS trở thành thành phần cốt lõi trong cải cách ĐTGV của các nước [4], nhằm đảm bảo cho SV sư phạm được chuẩn bị kĩ lưỡng về thực tế.

Mô hình về sự cộng tác giữa trường sư phạm và trường phổ thông được coi như là mối quan hệ cộng tác, cùng chịu trách nhiệm chung trong việc tạo ra những GV tương lai có đủ những năng lực nghề cần thiết. Trường phổ thông liên kết đóng vai trò như là “giảng đường thứ 2 của SV”, trong đó chủ yếu tập trung vào việc tổ chức cho SV thực hành và thực tập nghề nghiệp dưới sự hướng dẫn của GV và giảng viên. Hai phương thức học chính được diễn ra là: (1) học bằng quan sát, phân tích, tìm hiểu thực tiễn; (2) học bằng tập làm, phân tích và suy ngẫm về những hành xử và hoạt động của mình. Qua cách học đó SV đảm nhận các nhiệm vụ học tập ngày càng đa dạng, phức tạp hơn.

Với cách dạy và học nghề tại thực địa ở trường phổ thông như vậy, SV được trải nghiệm trong môi trường nhà trường, lớp học thực để tận mắt nhìn thấy HS, GV, cán bộ quản lí nhà trường tổ chức các hoạt động giảng dạy, GD, được tập làm những công việc của người GV, thông qua đó củng cố những kiến thức, kĩ năng đã học, soi chiếu những lí thuyết đã học vào trong thực tiễn nhà trường. Không những vậy, SV còn học tập được nhiều điều mới mẻ, khác

biệt từ thực tiễn phổ thông để làm phong phú thêm kiến thức của mình. Đặc biệt, việc học qua trải nghiệm (tập làm GV) còn tạo ra những cảm xúc nghề nghiệp tích cực, giúp SV yêu nghề và có trách nhiệm với bản thân trong học tập. Đây chính là giải pháp cho sự thống nhất giữa lí thuyết với thực hành sư phạm.

Tuy nhiên, nhìn vào thực tế hiện nay, có một thực tế đáng buồn là có tới 67,86% trường sư phạm chưa có trường thực hành trực thuộc cơ sở đào tạo [17, tr115], phần lớn việc tìm hiểu thực tiễn, trải nghiệm, thực hành, TTSP đều phụ thuộc vào các trường phổ thông do Sở GD&ĐT quản lí. Những bất cập và sự thiếu hiệu quả trong công tác tổ chức thực hành, thực tập nghề cho SV kéo dài trong nhiều năm qua của các trường sư phạm là do chưa xây dựng được mạng lưới trường phổ thông liên kết phát triển nghề. Để làm được việc này, trước mắt, các trường ĐHSPT cần xây dựng cho mình hệ thống các trường phổ thông thực hành nghề và lấy đó làm hạt nhân, từ đó mở rộng, liên kết với các trường phổ thông khác trên cơ sở hợp đồng trách nhiệm bằng những cơ chế, chính sách đầu tư phù hợp, có lợi cho cả hai bên trong đào tạo và phát triển nghề cho GV.

2.5. Đổi mới công tác đánh giá kết quả học tập các môn nghiệp vụ sư phạm của sinh viên theo chuẩn đầu ra.

Chúng ta vẫn biết, một SV có thể rất giỏi về kiến thức khoa học cơ bản, nhưng không giỏi về NVSP, không có kĩ năng nói, viết, phong cách sư phạm, cách thức tổ chức giờ lên lớp, khả năng xử lí linh hoạt và hiệu quả các tình huống sư phạm...thì không thể đánh giá đó là một SV giỏi theo tiêu chí của trường sư phạm. Mặt khác, một SV được đánh giá là xuất sắc không phải là đạt điểm cao hay một tấm bằng giỏi mà là ở việc SV đó có khả năng thực hiện tốt những công việc phức tạp của người GV ở trường phổ thông hay không. Hiện nay, công tác đánh giá kết quả học tập của SV chủ yếu dựa trên điểm số kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với kiểm tra giữa kì và cuối kì. Các học phần trong khối kiến thức NVSP đều được đánh giá theo các yêu cầu, tiêu chí trong đề cương môn học của các khoa hoặc của Phòng đào tạo quy định. Việc đánh giá này đôi khi chưa đảm bảo sự công bằng và chính xác, chưa đánh giá được năng lực thực hiện của SV. Đặc biệt, trong đánh giá kết quả thực hành, TTSP ở trường phổ thông, phần lớn SV đều được đánh giá ở mức tốt và xuất sắc khá cao, ít có SV đạt mức trung bình. Để đánh giá kết quả học tập của SV một cách khách quan, trung thực, công bằng và minh bạch cần phải phối hợp đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau, trong đó đánh giá qua hình thức thi vấn đáp hoặc bài tập thực hành cần được chú trọng. Đặc biệt, phải thực hiện đánh giá theo khung chuẩn đầu ra với các tiêu chí, chỉ báo rất cụ thể, rõ ràng và dựa trên mức độ làm chủ (nắm vững) kiến thức, kĩ năng đã học các môn học NVSP, có tính đến sự tiến bộ trong quá trình học tập, chú trọng đánh giá khả năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn và tư duy sáng tạo (hạn chế đánh giá sự ghi nhớ và tái hiện lại kiến thức theo nội dung đã học). Cho đến nay, các trường ĐHSPT đã ban hành chuẩn đầu ra của chương trình, nhưng việc thực hiện đánh giá vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thước đo và các công cụ đánh giá chưa được ban hành hoặc đã có nhưng còn trong quá trình hoàn thiện.

Thiết nghĩ, trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện NVSP của SV, cần lấy điểm các môn NVSP thành tiêu chí số 1 để đánh giá trình độ tốt nghiệp của SV. Điều này sẽ đã tác động trực tiếp đến việc dạy và học, tạo động lực cho cả giảng viên và SV nâng cao chất lượng dạy và học.

Để đánh giá trình độ NVSP và năng lực thực hiện của SV (không phải là đánh giá SV biết được những gì, học được những gì), cần phải đánh giá SV làm được những gì qua những điều đã học. Kết thúc khóa học, SV sẽ được đánh giá qua một Hội đồng riêng với sự tham gia của các giảng viên dạy các môn cơ bản, giảng viên phương pháp (Có thể mời những GV phổ thông dạy giỏi tham gia Hội đồng này). Hội đồng này có trách nhiệm đánh giá NVSP của SV qua một giờ lên lớp hoàn chỉnh (thi giảng). Điểm NVSP này được coi là một trong những điểm đánh giá

tốt nghiệp bắt buộc của giáo sinh, kể cả giáo sinh làm luận văn tốt nghiệp. Đây là cách đánh giá công bằng, khoa học và quan trọng hơn là nó định hướng cho SVSP ý thức, trách nhiệm cao đối với việc nâng cao tay nghề.

2.6. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dụng cho các phòng thực hành, thực tập nghề

Người học lái xe trước hết cần phải có xe và sân bãi để luyện tập, SV nhạc viện phải có các phòng riêng để sử dụng các nhạc cụ và luyện âm... Tương tự như vậy, SV sư phạm cần phải có các phòng học chuyên dụng để tập giảng, rèn luyện các kỹ năng tay nghề (thuyết trình, viết, vẽ, thiết kế và sử dụng các đồ dùng trực quan, các phương tiện DH, thực hiện các thí nghiệm...). Dù đã cố gắng để cải thiện cơ sở vật chất, nhưng do nguồn kinh phí đầu tư hạn hẹp nên các trường ĐHSP vẫn ít có được những phòng học chuyên dụng với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết, hiện đại cho đào tạo NVSP. Bởi vậy, SV không có chỗ để thực hành nghề và giảng viên không có điều kiện để hướng dẫn, uốn nắn các em từng thao tác nghề nghiệp một cách kỹ lưỡng. Chính vì thế, việc đào tạo NVSP còn nhiều hạn chế và chưa đạt tới trình độ chuyên nghiệp. Tại các lớp học những môn chung như tâm lý học Giáo dục, Giáo dục học... số SV/lớp học lên tới 200 đến 300 SV. Điều này buộc giảng viên phải sử dụng phương pháp thuyết trình và không thể tương tác một cách tích cực với SV. Các hoạt động thảo luận nhóm hay thực hành cũng khó thực hiện được trong một không gian quá chật hẹp.

Để nâng cao chất lượng dạy và học các môn NVSP, đặc biệt là các môn thực hành DH, thực hành GD và rèn luyện NVSP thường xuyên, các trường sư phạm cần đầu tư xây dựng các phòng học với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết (bảng, phấn, gương, camera, các loại đồ dùng trực quan, các dụng cụ thí nghiệm...) để SV có thể tập giảng, xem và phân tích các giờ giảng mẫu của GV qua băng hình để học tập, đúc rút kinh nghiệm, rèn luyện các kỹ năng nghề theo một quy trình khoa học và chỉnh sửa các thao tác nghề nghiệp chưa chuẩn,... Giải quyết được vấn đề này sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo NVSP trong trường ĐHSP.

2.7. Nâng cao ý thức học tập, trang bị phương pháp, kỹ năng học tập các môn nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên

Mọi sự thành công trong học tập đều bắt đầu từ ý thức. Ý thức là tiền đề, là yếu tố rất quan trọng thúc đẩy SV tích cực học tập. Bởi vậy, cần làm cho SV thấu hiểu được giá trị của nghề DH, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm học tập để trở thành GV trong tương lai. Bên cạnh đó, cần trang bị cho SV phương pháp, kỹ năng học tập cơ bản để tự học và học suốt đời. Để làm được điều này, giảng viên cần hướng dẫn SV thực hiện các công việc như: xác định mục tiêu học tập (ngắn hạn, dài hạn) nhằm thúc đẩy SV cố gắng vươn lên; lập kế hoạch học tập để hoàn thành công việc đúng thời hạn; lựa chọn và xác định phương pháp học tập phù hợp với bản thân (chú ý tới phương pháp nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, làm bài tập, thảo luận nhóm... như thế nào cho hiệu quả). Đặc biệt, do khối lượng kiến thức ở bậc đại học rất lớn, thời gian học trên giảng đường lại hạn chế nên SV cần được trang bị những kỹ năng tự học. Ngoài những kỹ năng lập kế hoạch tự học, xác định những vấn đề cần học, SV cần có các kỹ năng như: kỹ năng thu thập, xử lý và khai thác các nguồn tài liệu tham khảo từ các kênh khác nhau (sách, tạp chí, video, tivi, Internet...); kỹ năng ghi chép, quan sát, phân tích các hoạt động DH, GD của GV qua băng hình hoặc qua tiết dự giờ ở trường phổ thông; kỹ năng đặt câu hỏi, phân tích, tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào công việc của mình; kỹ năng giao tiếp (lắng nghe và phản hồi tích cực) với giảng viên, GV phổ thông và bạn học; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm và khai thác mạng Internet; kỹ năng nghiên cứu, tìm tòi khoa học; kỹ năng đánh giá kết quả tự học và rút kinh nghiệm...

3. Kết luận

Trên cơ sở tìm hiểu thực tiễn, phân tích những hạn chế, bất cập của việc dạy và học NVSP, bài viết đã đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học các môn NVSP. Các biện pháp này phải được thực hiện một cách đồng bộ từ đổi mới nội dung CTĐT đến nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, ý thức học tập của SV, đặc biệt là đổi mới phương pháp DH, cách thức kiểm tra đánh giá... theo một chuẩn chung thống nhất.

Ghi chú: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nhiệm vụ ETEP “Nghiên cứu nâng cao chất lượng dạy và học các môn nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên”, mã số: HD 1.3.1e, do TS Phạm Thị Kim Anh làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Quang Báo, 2010. Đào tạo nghiệp vụ sư phạm. Kí yếu Hội thảo khoa học Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường ĐHSP, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Tr18-21.
- [2] Nguyễn Thanh Bình, 2010. Cải tiến đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm. Kí yếu hội thảo khoa học Trường ĐHSP Hà Nội. Tháng 1/ 2010. Tr. 53.
- [3] Nguyễn Thị Kim Dung, 2014. Giải pháp đổi mới đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông trong thời kì mới, B2011-17-CT04.
- [4] Nguyễn Thị Kim Dung (chủ biên), 2015. Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Phạm Xuân Hậu, *Vài nét về nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường sư phạm trong thời kì hội nhập*. Kí yếu hội thảo khoa học Trường ĐHSP Hà Nội. Tháng 1/ 2010. Tr. 116 - 120.
- [6] Nguyễn Văn Hạnh, 2017. *Giáo dục nghiệp vụ sư phạm dựa vào dạy học trải nghiệm*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [7] Lê Hồng Hạnh, 2017. Đào tạo NVSP theo chuẩn nghề nghiệp GV tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Tạp chí Giáo dục số 400, Kì II-tháng 2/2017.
- [8] Nguyễn Khải Hoàn, 2016. Thực trạng dạy học nghiệp vụ sư phạm dựa vào nghiên cứu trường hợp ở một số cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học hiện nay. *Tạp chí Giáo dục* số đặc biệt, Tháng 5/2016, tr.14-16.
- [9] Phạm Minh Hùng, 2010. *Đổi mới công tác đào tạo nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm*. Kí yếu hội thảo khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tháng 1/ 2010. Tr. 95 - 98.
- [10] Kiều Thế Hưng, 2006. Đào tạo nghiệp vụ sư phạm-đôi điều cần phải bàn thêm. Kí yếu Hội thảo khoa học “Đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong các trường đại học sư phạm), tháng 4/2006, tr.90-91.
- [11] Nguyễn Văn Khôi, Giải pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho giáo sinh. *Tạp chí Giáo dục*, số 253, tr.2-5.
- [12] Trần Vũ Khánh, 2018. Thực trạng dạy học nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học ở một số trường đại học sư phạm. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt tháng 8/2018, tr.134-137
- [13] Biên Văn Minh, 2010. *Thực trạng và giải pháp đào tạo nghiệp vụ sư phạm ở các trường đại học sư phạm hiện nay trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa*. Kí yếu hội thảo khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tháng 1/ 2010. Tr. 36 - 40.

- [14] Phan Trọng Ngọ, 2010. Nghiệp vụ sư phạm - Những vấn đề đặt ra và các câu hỏi cần có lời giải. Kỉ yếu hội thảo khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tháng 1/ 2010, tr9-14.
- [15] Nguyễn Thu Tuấn, 2010. *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghiệp vụ cho sinh viên các trường đại học sư phạm*. Kỉ yếu hội thảo khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tháng 1/ 2010. Tr. 121-125.
- [16] Linda Darling-Hammond, 2006. Reconstructing 21st-Century teacher Education, Journal of Teacher Education, Vol.57, No. 3, may/jun 2006 300-314, Downloaded from <http://jte.sagepub.com> by on August 7, 2009.
- [17] Phạm Thị Kim Anh, 2012. *Trường thực hành sư phạm với việc đào tạo nghề GV*, Kỉ yếu Hội thảo Quốc gia. Nxb Giáo dục Việt Nam, tháng 12/2012, tr.115.
- [18] Phan Trọng Luận, 2010. *Còn đó nỗi lo chung*. Kỉ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường Đại học Sư phạm*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.18-21.
- [19] Đào Thị Oanh, 2010. *Nhu cầu của GV trẻ đối với nội dung rèn luyện nghiệp vụ sư phạm*. Kỉ yếu Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường Đại học Sư phạm*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.85.

ABSTRACT

Some solutions to improve the quality of teaching and learning pedagogical training subjects in teacher training

Pham Thi Kim Anh

Institute of Educational Research, Hanoi National University of Education

In the teacher training, whether training according to any models and methods, the pedagogical skill subjects are very important. Pedagogical training makes the teacher successful. Without pedagogical skills, teachers cannot practice skillfully and effectively. Therefore, teaching and learning pedagogical training subjects is considered as the specific and core feature of teacher training. On the basis of practical learning, analyzing the inadequacies and limitations in teaching and learning pedagogical training from the training program to the competencies of lectures and other factors such as: content, teaching methods; organization of practice, internship in high school; inspection and evaluation; facilities in education universities, our article focuses on proposing solutions to improve the quality of teaching and learning pedagogical training subjects in teacher training.

Keywords: Quality, teaching and learning, pedagogical training, teacher training.